

20/25

Chất lượng kinh doanh

18/25

Định giá

11/25

Kỹ thuật

15/25

Rủi ro

64/100

TỔNG ĐIỂM

Phân loại	B – Doanh nghiệp tốt, giá hợp lý (chưa rẻ)	Độ tin cậy	Trung bình (thiếu số cửa hàng/SSSG, chuỗi P/E quý, tỷ lệ sở hữu DMX và lợi suất TPCP 10 năm)	Giá hiện tại	73.500 VND
Vốn hóa	108.464 tỷ	Ngành	Bán lẻ chung (Hàng tiêu dùng không thiết yếu)	GTGD TB 1T	214,3 tỷ/phần
Kỳ số liệu	2026Q2	Trạng thái	Du Lịch Mọi Nơi	Ngày quét	2026-10-14

Động cơ lợi nhuận đang ở đỉnh lịch sử (LNST Q2/2026 3.303 tỷ, +100% YoY, ROE TTM ~28,6%) và P/E TTM 11,0x cho biên an toàn Base +21,7%. Điểm bị kéo xuống ở Cửa 3: VN-Index xếp lớp MA giảm hoàn hảo, MWG còn dưới MA200 5,7%. Chưa xác định được tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX (vốn hoá 96.347 tỷ) — biến số lớn nhất của định giá.

RADAR TIN TỨC 7/30 NGÀY: KHÔNG PHÁT HIỆN CỜ

Trừ Cửa 4: 0 điểm

Cờ đỏ 0 · cờ vàng 0 · cờ nghiêm trọng 0

1. Kết luận của Chủ tịch Ủy ban

LNST 6 tháng 2026 đạt 6.017 tỷ (85,5% cả năm 2025), ROE TTM 28,6% và P/E TTM 11,0x cho Base 89.400đ (+21,7%), nhưng VN-Index dưới cả MA50 lẫn MA200 và room ngoại đã đầy 49% — điều kiện cơ bản thỏa, điều kiện kỹ thuật chưa thỏa.

- Lợi nhuận tăng tốc 4 quý liên: biên ròng 4,41% (Q2/25) → 4,48% → 4,92% → 5,94% → 6,88% (Q2/26); doanh thu Q2/26 48.751 tỷ, +29,6% YoY.
- Biên gộp Q2/2026 22,17% — cao nhất 12 quý, trong khi chi phí bán hàng/doanh thu giữ ~12,3% (Q2/25: 12,5%) — không phải nhờ cắt quảng cáo.
- Rẻ so với peer theo P/B+ROE: MWG 10,8 so với DMX 13,6, DGW 16,4, FRT 21,5; P/B 3,10 ở percentile 25% của 12 quý.
- Consensus 16 CTCK đều BUY, trung vị 104.250đ (+39,4%); Base của Ủy ban 89.400đ thấp hơn 14,2% vì dùng P/E 12x thay vì ~14x.
- Ẩn số DMX: Điện Máy Xanh niêm yết riêng, vốn hoá 96.347 tỷ ≈ 89% vốn hoá MWG; chưa có tỷ lệ sở hữu nên chưa định giá được theo tổng các phần.

2. Định giá - Bear / Base / Bull

Kịch bản	Giá mục tiêu (VNĐ)	So với giá hiện tại	Giải định chính
Bear	57.900	-21,2%	LNST 2026 chỉ 9.500 tỷ (gần mức thấp nhóm CTCK 9.296-9.600) do BHX chậm lại và chi phí trả chậm/hoa hồng tăng; P/E co về 9x → EPS 6.438đ × 9.
Base	89.400	+21,6%	LNST 2026 11.000 tỷ (trung vị dự báo CTCK 11.149 tỷ); nửa cuối năm 4.983 tỷ ≈ 83% nửa đầu; P/E 12x ≈ P/E hợp lý 12,4x → EPS 7.454đ × 12.
Bull	113.800	+54,8%	LNST 2026 12.000 tỷ (BHX giữ tăng trưởng 30%+, DMX duy trì biên) và thị trường trả P/E 14x như DMX/consensus → EPS 8.132đ × 14.

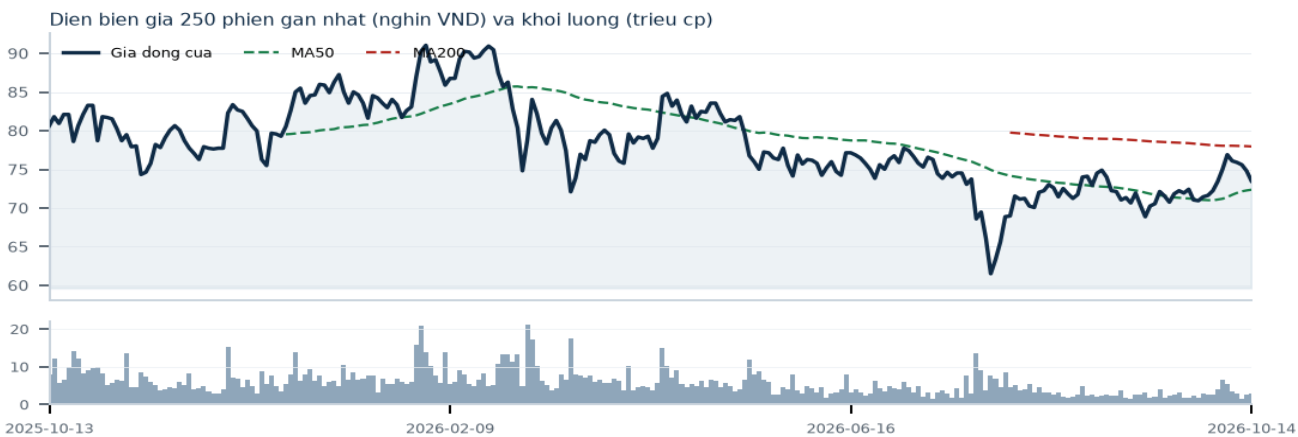
Phương pháp: P/E mục tiêu $\times$ EPS 2026F (playbook bán lẻ: P/E + EV/EBITDA khi không có số cửa hàng/SSSG để chạy DCF). Kỳ số liệu: TTM đến hết Q2/2026. EPS TTM 6.679đ = LNST 4 quý 9.856,6 tỷ ÷ 1.475,69 triệu CP — khớp suy ngược 74.800 ÷ P/E 11,1988 = 6.679đ. P/E hợp lý = $(1 - g/ROE)/(COE - g)$ với g 8%, ROE bền vững 25%, COE 13,5% → 12,4x. COE = lãi suất điều hành 4,5% (proxy, connector không có TPCP 10 năm) + phần bù 9,0 điểm % (cận giữa: bán lẻ beta cao, room ngoại đầy, nhưng tiền ròng dương). EV/EBITDA 9,85x so với ngành 12,42x dùng để kiểm chứng.

Biên an toàn (Base vs giá hiện tại): 21,7%

Tất cả 16 báo cáo CTCK trong 90 ngày (04/08–24/09/2026) đều BUY, dải 83.900–140.000đ. Base của Ủy ban nằm trong dải nhưng gần cận dưới.

Biên độ định giá lịch sử theo quý — Finhay - chuỗi quy get_financial_analysis + pe/pb hom nay tu get_company_overview

Chỉ số	Hiện tại	Min	P25	Trung vị	P75	Max	Percentile
PB	3,1	2,69	3,22	3,32	3,66	3,99	25%
pe/pb hiện tại lấy từ get_company_overview (gia tham chiếu hom nay)							
Chỉ có 12 quý - percentile chỉ phản ánh ~3 năm gần nhất.							



3. Số liệu tài chính cốt lõi

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Xu hướng
Doanh thu thuần (tỷ)	133.405	118.280	134.341	155.928	Hồi phục, CAGR 21–25 6,1%
LNST cổ đông mẹ (tỷ)	4.100	168	3.722	7.034	Chữ V, 6T/26 đã 6.017
EPS (đ)	2.810	115	2.546	4.774	TTM Q2/26: 6.679
ROE (%)	18,5	0,7	14,5	22,9	TTM ~28,6%
Biên gộp (%)	23,1	19,0	20,5	19,9	Q2/26: 22,2%
Biên ròng (%)	3,07	0,14	2,77	4,51	Q2/26: 6,88%
CP bán hàng/DT (%)	16,7	17,7	14,8	12,4	Giảm 3 năm
Hàng tồn kho (tỷ)	25.696	21.824	22.245	27.267	2025 +22,6% > DT +16,1%
LCTT HĐKD (tỷ)	7.976	3.436	8.517	6.096	2025 < LNST 7.073
Vốn chủ sở hữu (tỷ)	23.933	23.360	28.122	33.176	Q2/26 ~35.800

4. So sánh trong ngành

Mã	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	Biên LN gộp	Biên LN ròng	Nợ/VCSH
MWG *	108.562	11,2	3,1	0,231	0,092	0,199	n/a	n/a
DMX	96.347	16,56	4,24	0,311	0,109	0,178	n/a	n/a
FRT	25.141	22,61	5,84	0,271	0,05	0,196	n/a	n/a
DGW	10.170	12,29	2,81	0,171	0,056	0,087	n/a	n/a
PNJ	9.547	4,02	0,77	0,231	0,151	0,22	n/a	n/a

Lưu ý: các tỷ lệ ở dạng thập phân (0.16 = 16%). Dấu âm của CIR là quy ước dấu của nguồn dữ liệu.

5. Đánh giá theo 4 cửa

Cửa 1 - Chất lượng kinh doanh

20/25

- Tăng trưởng (4/6): doanh thu CAGR 2021-25 chỉ 6,1%, EPS rơi về 115đ năm 2023 — không phải tăng đều; điểm đến từ 2025 (+87,5%) và 6T/26 (+~100%).
- ROE (5/6): 0,7% (2023) → 14,5% → 22,9% (2025) → ~28,6% TTM; trên 20% và đang tăng, nhưng mới bền 6 quý.
- Biên (5/5): biên ròng tăng 4 quý liên tiếp lên 6,88%, biên gộp 22,17% cao nhất 12 quý trong khi CPBH/DT ổn định ~12,3%.
- Dòng tiền & đòn bẩy (3/4): tiền ròng dương ~11.708 tỷ cuối 2025, nhưng LCTT HĐKD 6.096 tỷ thấp hơn LNST và tồn kho tăng 22,6% nhanh hơn doanh thu 16,1%.
- Quản trị (3/4): Chủ tịch mua 1 triệu CP (13/08), Giám đốc bán 1 triệu CP (23/09) để chuyển sang DMX; DMX niêm yết tạo lợi ích thiếu số ở tầng con.

Cửa 2 - Định giá

18/25

- So với chính nó (4/6): P/B 3,10 ở percentile 25% của 12 quý (min 2,69 - trung vị 3,32 - max 3,99); không có chuỗi P/E quý nên chưa chấm được percentile P/E.
- So với peer (5/6): P/B÷ROE 10,8 thấp nhất nhóm khỏe (DMX 13,6 · DGW 16,4 · FRT 21,5); P/E 11,2 so với ngành 22,9.
- Nội tại (4/7): P/E hợp lý 12,4x so với P/E TTM 11,0x; chưa chạy DCF vì thiếu số cửa hàng và SSSG; EV/EBITDA 9,85x < ngành 12,42x.
- Biên an toàn (5/6): Base 89.400đ so với 73.500đ = +21,7%, thuộc nấc 20-30%.

Cửa 3 - Kỹ thuật & dòng tiền

11/25

- Xếp lớp MA (3/6): hỗn hợp — giá 73.500 trên MA20 73.073 và MA50 72.368, dưới MA150 75.420 và MA200 77.965 (-5,7%).
- Sức mạnh tương đối (4/6): hơn VN-Index +10,5 điểm % (1T) và +4,1 (3T), kém -3,9 (6T).
- Khối lượng (2/4): phiên cuối 0,99x TB20, chưa có phá vỡ xác nhận bằng khối lượng.
- Vị trí 52 tuần (2/4): 40,6% biên (61.510-91.050), RSI14 51,3, MACD hist dương 193,6.
- Xu hướng VN-Index (0/5): 1.704,87 dưới MA50 1.779 và MA200 1.798, xếp lớp giảm hoàn hảo, RSI 30,7.

Cửa 4 - Rủi ro

15/25

- Cấu trúc (4/7): nợ vay/VCSH 0,80 (Q2/26), toàn bộ vay ngắn hạn 29.931 tỷ; room ngoại 49% đã đầy (còn 0 CP) nên khối ngoại không thể mua ròng thêm.
- Chu kỳ/vĩ mô (3/5): bán lẻ VN +14,1% YoY (T9/26) hỗ trợ, nhưng CPI 5,08% và thanh khoản VN-Index TB20 thấp hơn TB250 25,4% (GIAM_RO).
- Đệm bảo vệ (4/5): tiền + tiền gửi ~41.639 tỷ cuối 2025, cổ tức 2.000đ/năm (2,7%), dự phòng tồn kho 610 tỷ.
- Risk/Reward (3/5): cắt lỗ 67.000đ (-8,8%) so với Base +21,7% → R/R 2,45:1.
- Độ tin cậy dữ liệu (1/3): thiếu số cửa hàng, SSSG, chuỗi P/E quý, tỷ lệ sở hữu DMX, TPCP 10 năm. Radar sạch — không trừ điểm.

6. Luận điểm hai chiều

LUẬN ĐIỂM TĂNG (BULL)

- LNST 6T/2026 đạt 6.017 tỷ = 85,5% cả năm 2025; chỉ cần nửa cuối bằng 83% nửa đầu là đạt 11.000 tỷ.
- Biên ròng tăng 4 quý liên tiếp từ 4,41% lên 6,88% — đòn bẩy hoạt động thật, không do cắt CPBH.
- P/E TTM 11,0x và P/B÷ROE 10,8 — rẻ nhất trong nhóm bán lẻ lớn có ROE trên 17%.
- Bách Hoá Xanh lần đầu thu hơn 6.000 tỷ/tháng (14/09), mở rộng lên 4.050 cửa hàng theo tin 13/10.
- Tiền ròng dương ~11.708 tỷ cuối 2025 và cổ tức tiền 2 lần/năm (10% mỗi lần).
- 16/16 CTCK khuyến nghị BUY, trung vị 104.250đ — dòng tiền tổ chức trong nước có điểm neo.

LUẬN ĐIỂM GIẢM (BEAR / phản biện)

- Vì sao có thể giảm 20-30%: nếu DMX là tài sản chính và thị trường định giá MWG ≈ DMX + chiết khấu holding 20-30%, MWG có thể rơi về vùng Bear 57.900đ.
- Tồn kho 2025 tăng 22,6% nhanh hơn doanh thu 16,1%; LCTT HĐKD 6.096 tỷ thấp hơn LNST 7.073 tỷ.
- Room ngoại đã đầy 49%: dòng tiền ngoại 20 phiên ròng ≈ 0 tỷ — mất nhóm mua cận biên lớn nhất.
- Tăng trưởng nhờ trả chậm (khách mua tới 100 triệu) và hoa hồng affiliate — rủi ro tín dụng và biên bị ăn mòn.
- Nền so sánh 2026 rất cao: LNST Q2/26 +100% YoY khó lặp lại; chỉ cần tăng trưởng về 15% là P/E co lại.
- VN-Index xếp lớp giảm hoàn hảo, thanh khoản -25,4% so với TB250 — cổ phiếu vốn hoá lớn chịu bán theo chỉ số.

7. Rủi ro chính & giả định then chốt

Rủi ro	Mức độ	Tác động nếu xảy ra
Chưa rõ tỷ lệ sở hữu DMX; lợi ích thiếu số tăng sau niêm yết	Cao	Mỗi 10 điểm % sở hữu DMX bị pha loãng ≈ 9.635 tỷ vốn hoá DMX ≈ 6.500đ/CP MWG (theo thị giá DMX).
Tăng trưởng LNST chậm lại về 15% năm 2027 trên nền cao	Trung bình	P/E co từ 12x về 9x → giá về vùng Bear 57.900đ (-21%).
Rủi ro tín dụng từ mua trả chậm tới 100 triệu đồng	Trung bình	Chưa định lượng được — Finhay không có số dư trả chậm; cần thuyết minh BCTC Q3.
Tồn kho tăng nhanh hơn doanh thu (2025: +22,6% vs +16,1%)	Trung bình	Nếu phải xả hàng, mỗi 1 điểm % biên gộp ≈ 1.950 tỷ LNNT năm (trên DT ~195.000 tỷ).
Room ngoại đầy 49% và thị trường xu hướng giảm	Trung bình	Giảm cầu cận biên; ATR14 2,19%/phiên, VN-Index RSI 30,7.

Giả định then chốt của luận điểm (nếu sai → luận điểm sụp đổ)

- LNST cổ đông mẹ 2026 đạt ~11.000 tỷ (nửa cuối ≥ 4.983 tỷ) — sai thì Base giảm về ~81.000đ với 10.000 tỷ.
- Biên gộp giữ trên 21% trong Q3-Q4/2026 dù đẩy trả chậm và hoa hồng affiliate.
- Tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX đủ lớn để lợi ích thiếu số không vượt 10% LNST hợp nhất.
- COE 13,5% (proxy lãi suất điều hành 4,5% + 9,0 điểm %) phản ánh đúng chi phí vốn khi chưa có TPCP 10 năm.

Điểm phá vỡ luận điểm (invalidation)

- LNST Q3/2026 thấp hơn 2.500 tỷ (dưới mức cần để đạt 11.000 tỷ cả năm).
- Biên gộp quý giảm dưới 20% hai quý liên tiếp.
- Tồn kho tăng nhanh hơn doanh thu 2 quý liên tiếp (cờ đỏ playbook bán lẻ).
- Đóng cửa dưới 67.000đ (dưới đáy tháng 9 là 67.700đ).

8. Bảng điều kiện hành động

Điều kiện cần thỏa trước khi giải ngân

- ☐ Cung cấp 4 dữ kiện bắt buộc: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa, danh mục hiện tại, tỷ lệ tiền mặt.
- ☐ Xác định tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX và lợi ích thiểu số dự kiến (BCTC Q3/2026 hoặc bản cáo bạch DMX).
- ☐ BCTC Q3/2026 (hạn riêng lẻ 20/10, hợp nhất 30/10) xác nhận LNST quý ≥ 2.500 tỷ.
- ☐ Giá vượt MA200 (~77.965đ) với khối lượng $> 1,5x$ TB20 (~4,4 triệu CP).
- ☐ VN-Index lấy lại MA50 (~1.779 điểm).

Điều kiện gia tăng tỷ trọng

- ☐ LNST 9T/2026 ≥ 8.500 tỷ và biên gộp Q3 $\geq 21\%$.
- ☐ Tồn kho cuối Q3 tăng chậm hơn doanh thu.
- ☐ Giá giữ trên MA200 ba tuần liên tiếp.
- ☐ DMX công bố tỷ lệ sở hữu của MWG $\geq 80\%$ (giới hạn rò rỉ lợi nhuận sang cổ đông thiểu số).
- ☐ Room ngoại được nói hoặc khối ngoại sang tay có giá cao hơn thị giá.

Điều kiện giảm tỷ trọng / thoát

- ☐ Giá đạt vùng Base 89.400đ mà LNST 9T chưa đạt 8.500 tỷ.
- ☐ Biên ròng quý giảm về dưới 5%.
- ☐ Nội bộ bán ròng trên 2 triệu CP trong 30 ngày.
- ☐ VN-Index thủng 1.650 điểm cùng MWG thủng 67.000đ.
- ☐ Tỷ trọng LNST thuộc cổ đông thiểu số vượt 10%.

Điều kiện HỦY luận điểm (cắt lỗ vô điều kiện)

- ☐ Hai quý liên tiếp LNST giảm so với cùng kỳ.
- ☐ Biên gộp dưới 20% hai quý liên tiếp.
- ☐ Phát hiện tỷ lệ sở hữu DMX dưới 60%.
- ☐ Nợ xấu trả chậm được công bố trên 5% dư nợ.

9. Quản lý vị thế

Vùng giá quan tâm	68.000 – 72.500đ (đáy tháng 9 67.700đ đến MA50 72.368đ; biên an toàn $\geq 23\%$ so với Base).
Điểm cắt lỗ kỹ thuật	67.000đ (dưới đáy tháng 9 67.700đ; ≈ 3 lần ATR14 2,19%). Rủi ro từ giá hiện tại $-8,8\%$.
Tỷ trọng tối đa đề xuất	KHÔNG THỂ XÁC ĐỊNH – thiếu khung thời gian, mức lỗ tối đa, danh mục và tỷ lệ tiền mặt của nhà đầu tư.
Risk / Reward	Tại 73.500đ: lợi nhuận tới Base $+21,7\%$ / rủi ro tới cắt lỗ $-8,8\% \rightarrow R/R \approx 2,45:1$.
Khung thời gian	6–12 tháng — luận điểm phụ thuộc BCTC Q3/Q4/2026 và lời giải cho cấu trúc DMX. Tỷ trọng và điểm cắt lỗ là KHUNG THAM CHIẾU, phải điều chỉnh theo quy mô, mức chịu lỗ và danh mục thực tế của nhà đầu tư.

10. Catalyst theo mốc thời gian

Mốc	Sự kiện / động lực	Tác động kỳ vọng
6 tháng	BCTC Q3/2026 (hạn 20–30/10) và Q4/2026: kiểm chứng LNST cả năm ~11.000 tỷ, biên gộp $> 21\%$, tồn kho	Quyết định Base vs Bear
12 tháng	Công bố cơ cấu sở hữu DMX và kế hoạch 2027; BHX mở rộng trên 4.050 cửa hàng	Mở khoá định giá tổng các phần hoặc chiết khấu holding
24 tháng	Nâng hạng FTSE có hiệu lực và khả năng nói room ngoại	Mở lại dòng cầu khối ngoại (hiện room = 0)

10b. Đối chiếu với consensus công ty chứng khoán

16 báo cáo · thấp nhất 83.900 · trung vị 104.250 · cao nhất 140.000

Base của Ủy ban nằm trong dải khuyến nghị của thị trường.

Nguồn	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Ngày	So với giá HT
Vietcap	BUY	140.000	2026-08-14	+90.5%
VNDS	BUY	125.700	2026-09-24	+71.0%
VDS	BUY	110.400	2026-09-16	+50.2%
SSV	BUY	107.300	2026-08-04	+46.0%
BVSC	BUY	106.700	2026-08-11	+45.2%
SSI	BUY	106.000	2026-08-21	+44.2%
TPS	BUY	106.000	2026-08-14	+44.2%
DSC	BUY	106.000	2026-08-11	+44.2%
BSC	BUY	102.500	2026-09-24	+39.5%
MAS	BUY	100.000	2026-09-03	+36.1%
NHSV	BUY	99.999	2026-08-21	+36.1%
NSI	BUY	99.000	2026-08-13	+34.7%

Nguồn: Finhay. Đây là DỮ LIỆU THAM KHẢO, không phải kết luận.

10d. Dòng tiền khối ngoại & tự doanh

Khối	Ròng 5 phiên	Ròng 20 phiên	Ròng 60 phiên	Mua/Bán ròng 20p	Chuỗi liên tiếp	% GTGD 20p
Nước ngoài	1,5 tỷ	-0 tỷ	310,6 tỷ	6/14	mua ròng 1p	-0%
Tự doanh	-78,7 tỷ	43,7 tỷ	-111 tỷ	11/9	mua ròng 2p	1%

Giới hạn bắt buộc đọc kèm: Finhay trả matched và put_through đều null nên KHÔNG tách được khớp lệnh với thoả thuận. Một giao dịch thoả thuận chuyển nhượng nội bộ sẽ bị tính như áp lực bán thật — phải đối chiếu mục sự kiện doanh nghiệp trước khi kết luận. Dữ liệu tự doanh trễ một phiên so với khối ngoại.

10e. Kiểm định độc lập - TypeSafe Jev

Rủi ro tổng thể 2.78/3 · Cơ hội tổng thể 1.93/3 (0 = thấp · 3 = cao). Luận điểm tăng mạnh nhất: Biên ròng tăng 4 quý liên tiếp từ 4,41% lên 6,88% — đòn bẩy hoạt động thật, không do cắt CPBH. Luận điểm giảm nguy hiểm nhất: Vì sao có thể giảm 20-30%: nếu DMX là tài sản chính và thị trường định giá MWG ≈ DMX + chiết khấu holding 20-30%, MWG có thể rơi về vùng Bear 57.900đ.

Tín hiệu	Nhìn thấy / Ảnh hưởng		Mức độ	Bằng chứng
Rủi ro do Ủy ban nêu (Ủy ban)	Ảnh	Rủi ro	Đáng kể	Tăng trưởng LNST chậm lại về 15% năm 2027 trên nền cao — P/E co từ 12x về 9x → giá về vùng Bear 57.900đ (-21%).
Rủi ro do Ủy ban nêu (Ủy ban)	Ảnh	Rủi ro	Đáng kể	Chưa rõ tỷ lệ sở hữu DMX; lợi ích thiếu số tăng sau niêm yết — Mỗi 10 điểm % sở hữu DMX bị pha loãng ≈ 9.635 tỷ vốn hoá DMX ≈ 6.500đ/CP MWG (theo thị giá DMX).
Lợi ích thiếu số sau khi DMX niêm yết (Claude)	Nhìn thấy	Rủi ro	Đáng kể	DMX vốn hoá 96.347 tỷ ≈ 89% vốn hoá MWG 108.562 tỷ; lợi ích thiếu số Q2/2026 mới 52,4 tỷ (1,6% LNST) và tỷ lệ sở hữu chưa công bố.
Room ngoại (code)	Nhìn thấy	Rủi ro	Đáng kể	Sở hữu nước ngoài 49.0% = trần 49.0%, khối ngoại không thể mua ròng thêm.
Xu hướng giá (code)	Nhìn thấy	Rủi ro	Đáng kể	Giá 73.5 so với MA200 77.97 (-5.7%); VN-Index xếp lớp giam_hoan_hao, RSI 30.7.
Thanh khoản thị trường (code)	Ảnh	Rủi ro	Đáng kể	KL VN-Index TB20 so với TB250 -25.4%, xu hướng GIAM_RO.

Tín hiệu	Nhìn thấy / Ảnh hưởng		Mức độ	Bằng chứng
Rủi ro do Ủy ban nêu (Ủy ban)	Ẩn	Rủi ro	Đáng kể	Rủi ro tín dụng từ mua trả chậm tới 100 triệu đồng — Chưa định lượng được — Finhay không có sổ dư trả chậm; cần thuyết minh BCTC Q3.
Khối ngoại hết room, dòng tiền chỉ sang tay (Claude)	Nhìn thấy	Rủi ro	Đáng kể	Room còn 0 CP; ròng 20 phiên $\approx$ 0 tỷ dù mua/bán mỗi phiên tới 642 tỷ (13/10).
Dữ liệu thiếu (code)	Ẩn	Rủi ro	Đáng kể	9 mục thiếu, gồm: 4 dữ kiện nhà đầu tư: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa; Tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX và lợi ích thiếu số dự kiến — b; Số cửa hàng đầu/cuối kỳ, SSSG và doanh thu/cửa hàng theo chu.
Khoảng cách với CTCK (code)	Nhìn thấy	Cơ hội	Đáng kể	Base Ủy ban 89,400 so với trung vị 16 CTCK 104,250 (-14.2%).
Tồn kho và doanh thu (code)	Ẩn	Rủi ro	Đáng kể	Năm 2025: tồn kho +22.6% so với doanh thu +16.1%.
Biên an toàn (code)	Nhìn thấy	Cơ hội	Đáng kể	Base 89,400đ, biên an toàn 21.7%.

Model jev-1.13.0. Jev chỉ phân loại và chấm trên các câu đã có trong báo cáo; không sinh số mới. Ẩn = không nằm trong kết luận/luận điểm chính, chỉ lộ ra khi ghép nhiều con số.

Ủy ban đối chiếu với Jev

- Jev chấm rủi ro tổng thể 2,78/3, cao hơn mức Cửa 4 (15/25): chênh vì Jev cộng dồn 3 rủi ro chưa định lượng được (DMX, trả chậm, 9 mục dữ liệu thiếu). Giữ 15/25 vì đã trừ ở tiêu chí độ tin cậy dữ liệu (1/3); độ tin cậy giữ Trung bình.
- Thanh khoản VN-Index TB20 -25,4% so với TB250 bị Jev xếp ẩn - Đáng kể: đã phản ánh ở Cửa 4 chu kỳ/vĩ mô (3/5) — giữ nguyên.
- Tồn kho +22,6% so với doanh thu +16,1% (ẩn - Đáng kể): đã trừ ở Cửa 1 tiêu chí dòng tiền (3/4) và nằm trong điều kiện phá vỡ luận điểm — giữ nguyên.
- Luận điểm mạnh nhất Jev chọn trùng với Ủy ban: tăng — biên ròng tăng 4 quý lên 6,88%; giảm — kịch bản chiết khấu holding DMX về Bear 57.900đ.
- Kết luận: không đổi điểm (64/100, loại B); tỷ lệ sở hữu DMX vẫn là điều kiện số 2 trước khi giải ngân.

11. Dữ liệu thiếu & giới hạn của báo cáo

- 4 dữ kiện nhà đầu tư: khung thời gian nắm giữ, mức lỗ tối đa, danh mục hiện tại, tỷ lệ tiền mặt.
- Tỷ lệ sở hữu của MWG tại DMX và lợi ích thiếu số dự kiến — biến số lớn nhất của định giá.
- Số cửa hàng đầu/cuối kỳ, SSSG và doanh thu/cửa hàng theo chuỗi (TGDĐ, ĐMX, BHX, An Khang) — Finhay không có.
- Chuỗi P/E, ROE, ROA theo quý: Finhay `get\_financial\_analysis` trả null với MWG; ROE/EPS TTM tự tính từ BCTC quý.
- Lợi suất TPCP 10 năm: connector hiện tại không có chỉ tiêu này; dùng lãi suất điều hành 4,5% (T9/2026) làm proxy.
- Cân đối kế toán và LCTT theo quý (Q1-Q2/2026): mới có QKQD quý.
- Sổ dư cho vay trả chậm và tỷ lệ nợ quá hạn.
- Cập giá đầu ra/đầu vào ngành bán lẻ chưa định (kho gia_hang_hoa trống) — độ tin cậy tối đa Trung bình.
- BCTC Q3/2026 chưa công bố (hạn riêng lẻ 20/10, hợp nhất 30/10/2026).

Báo cáo này đánh giá ĐIỀU KIỆN đầu tư, không đưa ra khuyến nghị MUA hay BÁN. Số liệu được lấy từ connector Finhay MCP tại ngày ghi trên báo cáo và có thể khác với báo cáo tài chính kiểm toán đầy đủ. Các mức định giá là kết quả của giả định được nêu rõ trong báo cáo - nếu giả định sai, kết quả sai. Nhà đầu tư phải tự kiểm chứng số liệu gốc và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.